

Đà Nẵng, ngày tháng 6 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng ngày 11/6/2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026.

Thông nhất ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.

Điều 3. Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025 (Nghị quyết 09/NQ- ĐHĐCD)	Thực hiện 2025	Tăng (+), giảm (-) (%)
A	A. Tổng doanh thu	274.624.878.514	289.227.933.762	+5,31%
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	270.425.859.996	283.206.407.945	+1,05%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ (ngoài đặt hàng)	3.462.962.963	5.119.816.250	+4,72%
3	Thu khác	736.055.556	901.709.567	+22,50%
B	Tổng chi phí	266.402.603.631	278.970.606.134	+ 4,71%
I	Chi phí trực tiếp sản xuất	250.110.490.297	263.995.212.846	+ 5,55%
II	Giá vốn	0	6.363.637	

III	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.738.247.734	14.408.135.440	-8,45%
IV	Chi phí khác	553.865.600	560.894.211	+1,26%
C	Lợi nhuận trước thuế	8.222.274.883	10.268.916.931	+24,89%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

2.1. Chỉ tiêu tài chính kinh doanh năm 2026:

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN 2025 (ĐVT: Đồng)	KẾ HOẠCH 2026 (ĐVT: Đồng)	26/25 (%)
A. Tổng doanh thu	289.227.933.762	313.295.582.305	108,32
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	283.206.407.945	307.684.022.006	108,64
2. Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.119.816.250	4.641.560.741	90,66
3. Thu khác	901.709.567	969.999.559	107,57
B. Tổng chi phí	278.959.016.831	302.540.281.216	108,45
I. Chi phí trực tiếp sản xuất	263.991.416.136	285.744.150.483	108,24
1. Nguyên, nhiên, vật liệu	51.357.418.912	70.624.878.739	137,52
2. Tiền lương, tiền công	101.375.834.478	107.805.745.051	106,34
3. Khấu hao tài sản cố định	7.456.658.636	8.880.032.036	119,09
4. Kinh phí công đoàn	1.482.159.397	1.548.353.210	104,47
5. Dịch vụ mua ngoài	61.290.954.548	58.901.785.141	96,10
6. Chi phí bằng tiền khác	41.028.390.165	37.983.356.306	92,58
II. Giá vốn	6.363.637	6.363.637	100,00
III. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.408.135.440	16.191.665.478	112,38
IV. Chi phí khác	553.101.618	598.101.618	108,14
C. Lợi nhuận trước thuế	10.268.916.931	10.755.301.090	104,74
D. Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.133.989.220	1.187.700.278	104,74
E. Lợi nhuận sau thuế	9.134.927.711	9.567.600.812	104,74
F. Tỷ lệ chia cổ tức	6,0%	≥ 6%	
G. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)		11,55%	

2.2. Dự án đầu tư, mua sắm tài sản, phương tiện

a. Dự án đầu tư và xây dựng cơ bản

- Đề xuất và hoàn thành công tác giải tỏa, đền bù các nội dung thuộc Dự án Đầu tư, nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại tại bãi rác Khánh Sơn;

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phương án đầu tư khai thác có hiệu quả các lô đất được Thành phố, các địa phương cho thuê, giao Công ty sử dụng.

b. Mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ

- Mua sắm 02 xe ủi phục vụ san ủi tại bãi rác Khánh Sơn; 01 xe tải loại 2,5 tấn phục vụ sản xuất; 300 thùng 660 lít và 150 thùng 240 lít.

Nguồn vốn: sử dụng nguồn vốn hiện có và tính vào giá thành, phân bổ chi phí thu hồi vốn.

- Đầu tư 6 xe ép rác loại 3,5 tấn và 4,5 tấn kiểu cặp thùng, nắp đẩy phục vụ công tác cơ giới hóa.

Nguồn vốn: Sử dụng nguồn vốn Công ty và vốn vay (Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng và các tổ chức tín dụng khác).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Điều 5. Biểu quyết thông qua các nội dung chính của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2026, như sau:

1. Trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025

- Lợi nhuận sau thuế: 9.134.927.711 đồng, được phân bổ như sau:

+ Bù đắp lợi nhuận sau thuế âm do điều chỉnh số liệu từ quý 4 năm 2015 đến năm 2018: 485.128.013 đồng;

+ Trích Quỹ đầu tư phát triển: 2.162.449.924 đồng;

+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động, Ban điều hành, Thành viên hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát : 3.021.569.774 đồng;

+ Chia cổ tức: 3.465.780.000 đồng (Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ = 6,0%). Đại hội đồng cổ đông thống nhất chia hết cổ tức bằng tiền VNĐ, giao Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm chi trả cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao, thưởng năm 2025 và mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) như sau:

a) Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao, thưởng HĐQT, BKS thực hiện năm 2025:

Tổng tiền lương, thù lao và thưởng của HĐQT, Ban Kiểm soát thực hiện năm 2025 là: **1.603.800.000** đồng. Trong đó, tổng tiền lương, thù lao là 1.444.800.000 đồng và tổng tiền thưởng là 159.000.000 đồng.

- Thành viên HĐQT chuyên trách (3 người):

+ Tiền lương: 948.000.000 đồng;

+ Tiền thưởng Lễ, Tết: 68.500.000 đồng;

- Thành viên HĐQT không chuyên trách (2 người):

+ Thù lao: 108.000.000 đồng;

+ Tiền thưởng Lễ, Tết: 36.000.000 đồng.

- Kiểm soát viên chuyên trách (1 người):

+ Tiền lương: 280.800.000 đồng;

+ Tiền thưởng Lễ, Tết: 18.500.000 đồng;

- Kiểm soát viên không chuyên trách (2 người):

+ Thù lao: 108.000.000 đồng;



+ Tiền Lễ, Tết: 36.000.000 đồng.

b) Thông qua mức tiền lương kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2026:

Tổng tiền lương của HĐQT, BKS là: **1.444.800.000** đồng. Trong đó:

- Tiền lương HĐQT chuyên trách (3 người): 948.000.000 đồng;
- Tiền lương HĐQT không chuyên trách (2 người): 108.000.000 đồng;
- Tiền lương của Kiểm soát viên chuyên trách (1 người): 280.800.000 đồng;
- Tiền lương của Kiểm soát viên không chuyên trách (2 người): 108.000.000 đồng.

c) Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao và Quỹ tiền thưởng của người quản lý Công ty thực hiện theo: Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

3. Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC là đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng.

4. Thống nhất điều chỉnh Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng ban hành lần 03, sửa đổi bổ sung lần 02.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo đơn đốc, theo dõi thực hiện các nội dung đã được cổ đông thống nhất, biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế của Công ty.

3. Quý cổ đông Công ty; Thành viên: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 3, Điều 6;
- UBCK Nhà nước;
- UBND TP Đà Nẵng;
- Các Sở: NN&MT, TC;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

**Phạm Thanh Phúc
Chủ tịch HĐQT**